

Số/No.: 06/2026/TB CBTT-ASP

Tp.HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Ho Chi Minh City, March 30, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/Tới: - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Name of organization: AN PHA PETROLEUM GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: ASP
- Địa chỉ/Address : Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh/ Room 805, 8th Floor, Saigon Paragon Building, No. 3 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Hochiminh City
- Điện thoại/Tel. : (84.28) 5413 6338 Fax: (84.28) 5413 6340
- E-mail : info@anphapetrol.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha.
Audited Separate and Consolidated financial statements 2025 of An Pha Petroleum Group Joint Stock Company.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/03/2026 tại đường dẫn: <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

This information was published on the company's website on March 30, 2026, as in the link: <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

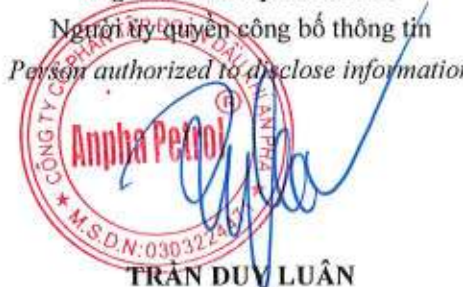
Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2025/ Audited separate financial statements 2025.
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025/ Audited consolidated financial statements 2025.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người ủy quyền công bố thông tin
Person authorized to disclose information



TRAN DUU LUAN

Số: 51/2026_ASP-SGDCK_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh BCTC riêng năm 2025 đã kiểm toán

Tp Hồ Chí Minh ngày 27 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ báo cáo tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn dầu khí An Pha, hoạt kinh doanh của Công ty rất ổn định. Sản lượng, doanh thu và lợi nhuận sau thuế tăng so với cùng kỳ. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận sau thuế của năm 2025 tăng so với năm 2024 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

Chỉ tiêu	Số liệu đã kiểm	Số liệu đã kiểm	Chênh
	toán năm 2025	toán năm 2024	lệch (VNĐ)
	1	2	3=1-2
1 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.254.183.579	52.195.653.416	26.058.530.163
2 Doanh thu hoạt động tài chính	20.387.991.677	17.176.069.774	3.211.921.903
3 Chi phí tài chính	29.502.970.832	11.829.644.494	17.673.326.338
4 Chi phí bán hàng	10.615.734.373	6.680.686.525	3.935.047.848
5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.512.182.487	25.361.469.016	1.150.713.471
6 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.019.685.064	25.637.504.507	6.382.180.557
7 Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.119.122.996		2.119.122.996
8 Lợi nhuận sau thuế TNDN	29.900.562.068	25.637.504.507	4.263.057.561

1. Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp tăng 26.058.530.136 đồng nguyên nhân chủ yếu là sản lượng và doanh thu bán hàng tăng nên đã làm lãi gộp tăng so với cùng kỳ.
- Doanh thu tài chính tăng 3.211.921.903 đồng nguyên nhân chủ yếu do thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia tăng so với cùng kỳ.
- Chi phí tài chính tăng 17.673.326.338 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí hoàn nhập dự phòng đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết giảm, lỗ chênh lệch tỉ giá tăng, đồng thời phát sinh thêm khoản lỗ Công ty con giải thể trong năm 2025.
- Chi phí bán hàng tăng 3.935.047.848 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí thuê kho chứa hàng tăng với cùng kỳ.
- Chi phí quản lý tăng 1.150.713.471 đồng nguyên nhân chủ yếu do dịch vụ mua ngoài tăng so cùng kỳ.

Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận sau thuế của năm 2025 tăng 4.263.057.561 đồng so với năm 2024.

2. Gải trình số liệu chênh lệch trước và sau kiểm toán

Chỉ tiêu	Số liệu sau kiểm	Số liệu trước kiểm	Chênh lệch (VNĐ)
	toán năm 2025	toán năm 2025	
	1	2	3=1-2
1 Giá vốn hàng bán	2.437.266.789.755	2.437.282.297.743	(15.507.988)
2 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.254.183.579	78.238.675.591	15.507.988
3 Chi phí tài chính	29.502.970.832	28.075.523.167	1.427.447.665
4 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.512.182.487	25.983.987.125	528.195.362
5 Thu nhập khác	8.397.500	23.905.488	(15.507.988)
6 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.019.685.064	33.975.328.091	(1.955.643.027)
7 Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.119.122.996		2.119.122.996
8 Lợi nhuận sau thuế TNDN	29.900.562.068	33.975.328.091	(4.074.766.023)

Nguyên nhân:

- Giá vốn hàng bán và thu nhập khác cùng giảm 15.057.988 đồng nguyên nhân do kiểm toán điều chỉnh giảm thu nhập chênh lệch hàng thực tế giao nhận sang giảm giá vốn hàng nhập.
- Chi phí tài chính sau kiểm toán tăng 1.427.447.665 đồng nguyên nhân do kiểm toán điều chỉnh tính lại chi phí trích lập dự phòng rủi ro đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết.
- Chi phí quản lý sau kiểm toán tăng 528.195.362 đồng nguyên nhân do kiểm toán điều chỉnh hạch toán bổ sung chi phí dịch vụ kiểm toán và chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.
- Chi phí thuế TNDN tăng 2.119.122.996 đồng nguyên nhân do kiểm toán tính toán xác định lại khoản thuế TNDN mà công ty phải nộp trong năm 2025.

Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận sau thuế năm 2025 trên báo cáo sau kiểm toán điều chỉnh giảm 4.075.766.023 đồng so với báo cáo trước kiểm toán.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT TP.HCM
- Lưu VT, NQTCTY

KOBAYASHI NAOKI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 02/4/2004, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 21 ngày 14/8/2025 về việc cập nhật địa giới hành chính.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP. Cổ phiếu ASP thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo các Quyết định số 178/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Tomohiko Kawamoto	Chủ tịch
Ông Kobayashi Naoki	Thành viên
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên độc lập
Ông Kentaro Jimba	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông Kentaro Jimba	Chủ tịch
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Kobayashi Naoki	Tổng Giám đốc
Ông Sakamoto Shinichiro	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Duy Luân	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/6/2025)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Kobayhashi Naoki

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Số: 171/2026/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, được lập ngày 28/3/2026, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1
Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Lê Thanh Tùng Lâm
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2026-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		406.629.968.835	569.267.385.454
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	29.119.245.154	99.418.961.136
1. Tiền	111		29.119.245.154	39.418.961.136
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	60.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	2.200.000.000	200.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.200.000.000	200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		372.392.356.648	433.401.971.470
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	355.733.040.123	389.815.117.808
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.699.007.268	6.626.932.095
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	8.250.000.000	34.573.500.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	8.539.416.803	8.598.328.835
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(6.829.107.546)	(6.211.907.268)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	-	29.259.368.048
1. Hàng tồn kho	141		-	29.259.368.048
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.918.367.033	6.987.084.800
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	580.455.946	945.139.278
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.587.435.820
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	2.337.911.087	4.454.509.702
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		854.200.881.229	883.177.891.298
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		117.225.226.000	111.415.226.001
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	90.000.000.000	90.000.000.000
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	24.337.320.000	18.337.320.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	2.887.906.000	3.077.906.001
II. Tài sản cố định	220		11.224.511.081	16.708.936.181
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	5.076.675	16.734.255
- Nguyên giá	222		2.508.895.818	2.508.895.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.503.819.143)	(2.492.161.563)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	11.219.434.406	16.692.201.926
- Nguyên giá	228		27.363.837.578	27.363.837.578
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.144.403.172)	(10.671.635.652)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	663.154.642.936	680.144.947.196
1. Đầu tư vào công ty con	251		615.724.701.227	634.124.701.227
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		136.603.113.905	147.639.930.405
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(89.173.172.196)	(101.619.684.436)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		62.596.501.212	74.908.781.920
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	62.596.501.212	74.908.781.920
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.260.830.850.064	1.452.445.276.752

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		792.057.420.863	1.013.572.409.619
I. Nợ ngắn hạn	310		792.057.420.863	1.006.162.619.619
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	437.559.276.956	405.729.143.420
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		189.820.802	833.706.241
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	614.086.453	949.194.075
4. Phải trả người lao động	314		369.889.980	324.680.845
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	61.812.548	977.906.064
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1.331.957.234	16.245.403.721
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	351.911.702.982	581.083.711.345
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		18.873.908	18.873.908
II. Nợ dài hạn	330		-	7.409.790.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	-	7.409.790.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		468.773.429.201	438.872.867.133
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	468.773.429.201	438.872.867.133
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		93.638.130.985	63.737.568.917
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		63.737.568.917	38.100.064.410
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		29.900.562.068	25.637.504.507
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.260.830.850.064	1.452.445.276.752

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Kobayhashi Naoki

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon

Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng

Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.515.520.973.334	2.245.249.381.677
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		2.515.520.973.334	2.245.249.381.677
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.437.266.789.755	2.193.053.728.261
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		78.254.183.579	52.195.653.416
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	20.387.991.677	17.176.069.774
7. Chi phí tài chính	22	6.4	29.502.970.832	11.829.644.494
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>24.867.187.413</i>	<i>24.616.311.916</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	10.615.734.373	6.680.686.525
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	26.512.182.487	25.361.469.016
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		32.011.287.564	25.499.923.155
11. Thu nhập khác	31	6.7	8.397.500	137.581.352
12. Chi phí khác	32	6.7	-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	8.397.500	137.581.352
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		32.019.685.064	25.637.504.507
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	2.119.122.996	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		29.900.562.068	25.637.504.507

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Kobayhashi Naoki

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.019.685.064	25.637.504.507
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		5.484.425.100	5.788.345.825
- Các khoản dự phòng	03		(11.829.311.962)	(18.650.026.173)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(10.150.000)	168.080.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.095.893.002)	(13.540.633.296)
- Chi phí lãi vay	06		24.867.187.413	24.616.311.916
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.435.942.613	24.019.582.779
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		60.405.409.985	323.232.736.110
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		29.259.368.048	21.761.414.747
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		31.928.623.646	(333.460.406.334)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12.676.964.040	17.921.515.484
- Tiền lãi vay đã trả	14		(25.783.280.929)	(25.096.201.676)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		143.923.027.403	28.378.641.110
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.475.850.000)	(8.523.228.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(76.800.000.000)	(51.450.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		89.123.500.000	128.475.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.219.683.500)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		19.500.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.412.048.478	7.306.502.652
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23.540.014.978	75.808.274.652
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.363.038.336.079	2.219.185.200.556
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.600.801.094.442)	(2.366.073.008.602)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(237.762.758.363)	(146.887.808.046)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(70.299.715.982)	(42.700.892.284)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		99.418.961.136	142.119.853.420
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	29.119.245.154	99.418.961.136

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



KOBAYASHI NAOKI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 02/4/2004, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 21 ngày 14/8/2025 về việc cập nhật địa giới hành chính.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 21 ngày 14/8/2025 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP. Cổ phiếu ASP thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo các Quyết định số 178/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 15 người (tại ngày 01/01/2025 là 11 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty được công bố tại Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
 Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con trực tiếp						
1	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	Lô CN03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Phú Đông, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	98,56%	98,56%	98,56%
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình	Khu phố 4, Lã Xuân Oai, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Phòng 805, Lầu 08 Tòa nhà Saigon Paragon, số 03 Nguyễn Lương, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	97,99%	97,99%	97,99%
4	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	51,00%	51,00%	51,00%
Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)						
5	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Phòng 805, Lầu 08 Tòa nhà Saigon Paragon, số 03 Nguyễn Lương, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,99%	99,99%	99,99%
6	Công ty TNHH MTV Minh Gia (i)	Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Công ty TNHH MTV Minh Gia tạm ngưng hoạt động theo Thông báo số 156/2024/TB-MG ngày 26/11/2024. Đồng thời, Công ty đang làm các thủ tục cần thiết để thông báo cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc này.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
 Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	22 Đường 25A, Phường Bình Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất bình Gas	35,00%	35,00%	35,00%
2	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Khối 2, Phường Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
3	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Số 26, ngõ 29, phố Vinh Tuy, Phường Vinh Phú, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
4	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Số 01, KP 2, Xa Lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
5	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Áp 3, Xã Bình Đức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
6	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Số 148/1A Đường Tân An, Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	35,00%	35,00%	35,00%
7	Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	39 Đường số 2, Khu phố 7, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	20,00%	20,00%	20,00%
8	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Số 1 Phố Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phúc Lợi, TP. Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	33,00%	33,00%	33,00%
9	Công ty Cổ phần MT Gas	5/1 Khu Phố 6, Quốc lộ 1A, Xã Bến Lức, Tỉnh Tây Ninh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	40,73%	40,73%	40,73%



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh riêng.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Số năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý

04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán riêng theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo lãnh phát hành

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

Tiền thuê tài sản trả trước

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động (bao gồm văn phòng Công ty, kho bãi sử dụng cho việc bán hàng, kinh doanh) mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí vỏ bình gas

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty (bao gồm các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên kết;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (Tiếp theo)

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các sản phẩm liên quan đến nhà bếp), doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

019
TY
H
XÁN
NAI
11 -

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa và dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

P Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
 Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
 Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	112.977.480	408.651.029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.006.267.674	39.010.310.107
Các khoản tương đương tiền	-	60.000.000.000
Tổng	29.119.245.154	99.418.961.136

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	2.200.000.000	2.200.000.000	200.000.000	200.000.000
Tổng	2.200.000.000	2.200.000.000	200.000.000	200.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn 6 tháng, lãi suất áp dụng là 4,8%/năm. Trong đó, giá trị tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Nam Sài Gòn bị phong tỏa để làm tài sản đảm bảo để phục vụ cho việc khởi kiện của Công ty là 2.000.000.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
 Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ		31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con								
Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	98,56%	98,56%	142.307.241.235	(i)	-	142.307.241.235	(i)	-
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	100,00%	100,00%	443.340.459.992	(i)	(54.690.291.759)	443.340.459.992	(i)	(68.217.768.768)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải (ii)			-	(i)	-	18.400.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	97,99%	97,99%	28.249.000.000	(i)	(19.598.000.000)	28.249.000.000	(i)	(19.598.000.000)
Công ty TNHH Thương mại Vĩnh Quang	51,00%	51,00%	1.828.000.000	(i)	(1.303.288.237)	1.828.000.000	(i)	(1.413.241.865)
Tổng			615.724.701.227		(75.591.579.996)	634.124.701.227		(89.229.010.633)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

P Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
 Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
 Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 31/12/2025 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Trong năm, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải đã thực hiện giải thể và chấm dứt hoạt động.

(iii) Trong năm, Công ty đã thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina theo Nghị quyết số 04/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày 01/4/2025 của Hội đồng quản trị.

(iv) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung theo Nghị quyết số 11/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày 30/5/2025 của Hội đồng quản trị.

(v) Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas bằng giá đóng cửa cổ phiếu Công ty Cổ phần MT Gas (mã chứng khoán: MTG) trên sàn UpCOM nhân (x) số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ tại ngày 31/12/2025. Cụ thể, tại ngày 31/12/2025, giá đóng cửa của cổ phiếu MTG là 6.700 VND/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ là 4.256.345 cổ phiếu.

Các giao dịch và số dư trọng yếu của Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.2.

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	355.733.040.123	389.815.117.808
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	116.962.688.829	137.657.597.002
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	-	63.549.971.953
Công ty Cổ Phần Năng Lượng An Phú	27.588.878.729	22.916.343.615
Công ty Cổ Phần Gas Thủ Đức	37.113.166.943	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	52.194.697.920	-
Các đối tượng khác	121.873.607.702	165.691.205.238
b) Dài hạn	90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	90.000.000.000	90.000.000.000
Tổng	445.733.040.123	479.815.117.808

Trong đó,

Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

252.885.217.125	479.480.379.769
-----------------	-----------------

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	5.779.640.718	5.779.640.718
Các đối tượng khác	919.366.550	847.291.377
Tổng	6.699.007.268	6.626.932.095

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

P Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
 Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
 Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	8.250.000.000	34.573.500.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	-	13.648.500.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	-	475.000.000
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng (i)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hong Vi Na (ii)	2.800.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Khí Dầu Mô Hóa Lông Be Ta Gas (iii)	1.450.000.000	1.450.000.000
b) Dài hạn	24.337.320.000	18.337.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (iv)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang (v)	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (vi)	14.217.320.000	8.217.320.000
Tổng	32.587.320.000	52.910.820.000
<i>Trong đó,</i>		
<i>Phải thu về cho vay từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	28.587.320.000	48.910.820.000

(i) Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 30/6/2024, sau đó đã được gia hạn đến hết ngày 31/12/2025. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên. Theo Thông báo số 12/CV/PTCKT/ASP/2025 ngày 26/12/2025, Hợp đồng sẽ không được gia hạn, Công ty đang làm việc với Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng để thu hồi khoản nợ.

(ii) Khoản cho Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vi Na vay theo Hợp đồng số 1905/2025/HĐCV/ASP-HVGC ngày 19/5/2025, số tiền vay là 2.800.000.000 VND. Lãi suất tiền vay là 8%/năm. Thời hạn vay: đến hết ngày 30/4/2026.

(iii) Khoản cho Công ty TNHH Khí Dầu Mô Hóa Lông Be Ta Gas vay theo Hợp đồng số 0301/2023/HĐVV/ASP-BETA ngày 03/01/2024, số tiền vay là 1.450.000.000 VND. Lãi suất cho vay là 7,5%/năm. Khoản vay được gia hạn hết 30/6/2026 theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 01/PLHĐVV/ASP-BETA/2025 ngày 01/7/2025. Khoản cho vay được bảo đảm bằng tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Khí Dầu mô Hóa Lông Be Ta Gas.

(iv) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(v) Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo Hợp đồng số 01 VAY-ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(vi) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

P Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
 Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
 Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.6 Phải thu khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	8.539.416.803	(617.200.278)	8.598.328.835	-
- Phải thu người lao động	595.671.964	(383.588.249)	613.247.165	-
- Ký cược ký quỹ ngắn hạn	4.087.267.000	-	121.027.000	-
- Phải thu khác	3.856.477.839	(233.612.029)	7.864.054.670	-
+ <i>Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay</i>	<i>631.245.881</i>	-	<i>574.859.190</i>	-
+ Ông Lại Văn Tú (i)	400.000.000	-	400.000.000	-
+ Saisan Co., Ltd. - <i>Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ (ii)</i>	2.591.619.929	-	889.195.480	-
+ Ông Ngô Mạnh Hùng	-	-	6.000.000.000	-
+ Các khoản khác	233.612.029	(233.612.029)	-	-
b) Dài hạn	2.887.906.000	-	3.077.906.001	-
- Ký cược ký quỹ dài hạn	2.887.906.000	-	2.892.906.000	-
- Phải thu khác	-	-	185.000.001	-
+ Ông Trần Quốc Bưu	-	-	185.000.001	-
Tổng	11.427.322.803	(617.200.278)	11.676.234.836	-

Trong đó,

Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

712.755.476

897.256.999

(i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

(ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.7 Nợ xấu

	31/12/2025 (VND)				01/01/2025 (VND)			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Trả trước cho người bán		6.211.907.268	-	(6.211.907.268)		6.211.907.268	-	(6.211.907.268)
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	Trên 3 năm	5.779.640.718	-	(5.779.640.718)	Trên 3 năm	5.779.640.718	-	(5.779.640.718)
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	432.266.550	-	(432.266.550)	Trên 3 năm	432.266.550	-	(432.266.550)
Phải thu khác		617.200.278	-	(617.200.278)		-	-	-
Bà Phạm Thị Hồng Nhạn (i)	Từ 1 năm đến 2 năm	383.588.249	-	(383.588.249)				
Ông Trần Minh Loan (i)	Từ 1 năm đến 2 năm	233.612.029	-	(233.612.029)				
Tổng		6.829.107.546	-	(6.829.107.546)		6.211.907.268	-	(6.211.907.268)

- (i) Đây là khoản phải thu người lao động của Công ty hiện đã nghỉ việc tuy nhiên chưa hoàn ứng các khoản tiền đã tạm ứng từ Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và quyết định lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu này do không liên lạc được với người lao động để xử lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	-	-	29.259.368.048	-
Tổng	-	-	29.259.368.048	-

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	580.455.946	945.139.278
Chi phí bảo lãnh phát hành	234.161.163	309.995.157
Chi phí sửa chữa	-	142.860.001
Chi phí thuê văn phòng và kho bãi	280.637.091	280.023.704
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	65.657.692	212.260.416
b) Dài hạn	62.596.501.212	74.908.781.920
Chi phí mua vỏ chai LPG (i)	61.038.001.212	71.535.268.571
Chi phí thuê	1.516.000.000	3.335.200.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	42.500.000	38.313.349
Tổng	63.176.957.158	75.853.921.198

- (i) Chi phí vỏ chai LPG được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian 10 năm.

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	2.508.895.818	2.508.895.818
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	2.508.895.818	2.508.895.818
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	2.492.161.563	2.492.161.563
Tăng trong năm	11.657.580	11.657.580
Khấu hao trong năm	11.657.580	11.657.580
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	2.503.819.143	2.503.819.143
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	16.734.255	16.734.255
Tại ngày 31/12/2025	5.076.675	5.076.675

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025: 2.473.923.091 VND (tại ngày 01/01/2025: 2.473.923.091 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon
Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	27.363.837.578	27.363.837.578
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	<u>27.363.837.578</u>	<u>27.363.837.578</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	10.671.635.652	10.671.635.652
Tăng trong năm	5.472.767.520	5.472.767.520
Khấu hao trong năm	5.472.767.520	5.472.767.520
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	<u>16.144.403.172</u>	<u>16.144.403.172</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	<u>16.692.201.926</u>	<u>16.692.201.926</u>
Tại ngày 31/12/2025	<u>11.219.434.406</u>	<u>11.219.434.406</u>

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	155.197.034.007	155.197.034.007	291.565.147.848	291.565.147.848
Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina	161.881.654.008	161.881.654.008	55.289.415.005	55.289.415.005
EI Corporation	-	-	7.464.824.000	7.464.824.000
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	111.885.367.205	111.885.367.205	-	-
Phải trả người bán khác	8.595.221.736	8.595.221.736	51.409.756.567	51.409.756.567
Tổng	437.559.276.956	437.559.276.956	405.729.143.420	405.729.143.420
<i>Trong đó,</i>				
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>112.621.271.519</i>	<i>112.621.271.519</i>	<i>62.172.338</i>	<i>62.172.338</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	1/1/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
Phải nộp	949.194.075	77.064.060.617	77.399.168.239	614.086.453
Thuế giá trị gia tăng	761.412.048	62.548.308.330	62.738.176.854	571.543.524
Thuế xuất, nhập khẩu	149.296.480	13.631.246.108	13.780.542.588	-
Thuế thu nhập cá nhân	38.485.547	599.260.689	595.203.307	42.542.929
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	281.245.490	281.245.490	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phải thu	4.454.509.702	2.119.122.996	2.524.381	2.337.911.087
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	4.454.509.702	2.119.122.996	-	2.335.386.706
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác nộp thừa	-	-	2.524.381	2.524.381

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Trích trước chi phí lãi vay	61.812.548	977.906.064
Tổng	61.812.548	977.906.064

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Kinh phí công đoàn	6.585.636	3.549.021
Cổ tức phải trả	885.420.764	885.420.764
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đức Hải	-	15.139.169.928
Phải trả ngắn hạn khác	439.950.834	217.264.008
Tổng	1.331.957.234	16.245.403.721

*Trong đó,**Phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)*

- 15.139.169.928

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
 Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản vay ngắn hạn	351.911.702.982	351.911.702.982	1.364.219.296.079	1.593.391.304.442	581.083.711.345	581.083.711.345
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>344.262.372.982</i>	<i>344.262.372.982</i>	<i>1.363.038.336.079</i>	<i>1.558.467.054.442</i>	<i>539.691.091.345</i>	<i>539.691.091.345</i>
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	211.437.688.892	211.437.688.892	880.572.960.462	864.065.783.873	194.930.512.303	194.930.512.303
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (ii)	59.473.294.341	59.473.294.341	217.925.555.097	219.485.706.804	61.033.446.048	61.033.446.048
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iii)	73.351.389.749	73.351.389.749	264.539.820.520	474.915.563.765	283.727.132.994	283.727.132.994
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>7.649.330.000</i>	<i>7.649.330.000</i>	<i>1.180.960.000</i>	<i>34.924.250.000</i>	<i>41.392.620.000</i>	<i>41.392.620.000</i>
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited	-	-	83.000.000	5.193.200.000	5.110.200.000	5.110.200.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (iv)	7.649.330.000	7.649.330.000	1.097.960.000	29.731.050.000	36.282.420.000	36.282.420.000
b) Vay dài hạn	-	-	-	7.409.790.000	7.409.790.000	7.409.790.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (iv)	-	-	-	7.409.790.000	7.409.790.000	7.409.790.000
Tổng	351.911.702.982	351.911.702.982	1.364.219.296.079	1.600.801.094.442	588.493.501.345	588.493.501.345

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (i) Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019, bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ 2 này 01/3/2021:

Hạn mức tín dụng	: Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh. Trong đó, tổng dư nợ các khoản vay không vượt quá 15.500.000 USD vào mọi thời điểm.
Thời hạn của các khoản vay	: không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
Mục đích sử dụng vốn	: Bổ sung vốn lưu động
Lãi suất:	: Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
Ngày hết hạn giải ngân của Hợp đồng ban đầu	: Ngày 28/02/2022. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
Biện pháp bảo lãnh	: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.

- (ii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/017/25 ngày 03/3/2025 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

Hạn mức tín dụng	: Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
Thời hạn của các khoản vay	: không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
Mục đích sử dụng vốn	: Tài trợ vốn lưu động chung, tài trợ thương mại, và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác
Lãi suất:	: 0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng
Thời hạn rút vốn	: Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2025 đến ngày 15/3/2026, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.
Biện pháp bảo đảm	: khoản vay không có tài sản đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(iii) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 31/12/2021:

- Hạn mức tín dụng : 15.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;
- Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
- Mục đích sử dụng vốn : Tài trợ nhu cầu vốn lưu động của bên vay
- Thời hạn rút vốn : Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;
- Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.
- Biện pháp bảo đảm : Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng.

(iv) Vay Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 20/01/2021:

- Số tiền cho vay : 2.900.000 USD
- Ngày giải ngân : 26/02/2021. Ngày hoàn trả cuối cùng: 26/02/2026
- Ngày hoàn trả đầu tiên : 31/8/2021. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên, mỗi lần 290.000 USD
- Mục đích vay : tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
- Lãi suất vay : 2,38%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần
- Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
 Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.17 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	38.100.064.410	413.235.362.626
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	25.637.504.507	25.637.504.507
Số dư tại ngày 31/12/2024	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	63.737.568.917	438.872.867.133
Số dư tại ngày 01/01/2025	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	63.737.568.917	438.872.867.133
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	29.900.562.068	29.900.562.068
Số dư tại ngày 31/12/2025	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	93.638.130.985	468.773.429.291

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Saisan Co., Ltd.	179.984.260.000	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	21.881.000.000	21.881.000.000
Các cổ đông khác	171.534.030.000	171.534.030.000
Tổng	373.399.290.000	373.399.290.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	373.399.290.000	373.399.290.000
Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu được mua lại	387	387
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116
Tổng	306.228.116	306.228.116

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng**a. Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Từ 01 năm trở xuống	6.573.426.000	6.307.426.000
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	20.271.742.000	5.299.662.000
Trên 05 năm	-	-
Tổng	26.845.168.000	11.607.088.000

b. Nợ xấu đã xử lý

	Số nợ đã xóa		Thời điểm xóa nợ
	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND	
Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam	1.300.000.000	1.300.000.000	Năm 2021
Tổng	1.300.000.000	1.300.000.000	

Công ty xóa nợ do các khoản công nợ phải thu đã quá hạn trên 03 năm, các biện pháp thu hồi nợ đã được áp dụng nhưng vẫn không thu hồi được nợ.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán LPG	2.487.022.219.318	2.215.797.964.245
Doanh thu cho thuê vỏ bình gas	14.865.913.800	13.545.913.800
Doanh thu cho thuê lại mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật	6.078.763.632	12.339.574.552
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	7.554.076.584	3.565.929.080
Tổng	2.515.520.973.334	2.245.249.381.677

Trong đó,

Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

<i>1.386.385.828.233</i>	<i>1.367.052.483.824</i>
--------------------------	--------------------------



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán LPG	2.410.989.071.661	2.166.344.708.308
Giá vốn cho thuê vỏ bình gas	13.944.131.359	13.915.407.492
Giá vốn cho thuê lại mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật	6.154.458.636	9.594.937.753
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ khác	6.179.128.099	3.198.674.708
Tổng	2.437.266.789.755	2.193.053.728.261

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.468.435.169	6.190.940.425
Lãi do chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	243.500.000	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.386.074.314	7.349.692.871
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	279.832.194	3.635.407.724
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.150.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	28.754
Tổng	20.387.991.677	17.176.069.774
Trong đó, <i>Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>17.104.063.157</i>	<i>5.531.288.250</i>

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	24.867.187.413	24.616.311.916
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(12.446.512.240)	(19.082.292.723)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.080.179.178	6.127.545.301
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	168.080.000
Lỗ do Công ty con giải thể	5.002.116.481	-
Tổng	29.502.970.832	11.829.644.494

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	-	19.392.500
Chi phí thuê kho hàng, nhập hàng	7.068.835.852	1.770.010.843
Chi phí bảo lãnh mua hàng	3.546.898.521	4.891.283.182
Tổng	10.615.734.373	6.680.686.525

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.176.199.934	5.927.814.413
Chi phí vật liệu quản lý	-	62.526.628
Chi phí đồ dùng văn phòng	190.478.045	164.760.701
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.484.425.100	5.788.345.825
Thuế phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	617.200.278	432.266.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.987.535.464	6.761.299.389
Chi phí bằng tiền khác	5.052.343.666	6.220.455.510
Tổng	26.512.182.487	25.361.469.016

6.7 Lợi nhuận khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý công cụ dụng cụ	8.150.000	27.200.000
Các khoản khác	247.500	110.381.352
Tổng	8.397.500	137.581.352
Chi phí khác		
Tổng	-	-
Lợi nhuận khác	8.397.500	137.581.352

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.019.685.064	25.637.504.507
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>5.538.683.300</i>	<i>4.093.037.024</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>1.808.270.528</i>	<i>581.757.674</i>
<i>Chi phí lãi vay vượt mức khống chế theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 và Nghị định 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025</i>	<i>3.730.412.772</i>	<i>3.511.279.350</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(16.386.074.314)</i>	<i>(7.349.692.871)</i>
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(16.386.074.314)</i>	<i>(7.349.692.871)</i>
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	21.172.294.050	22.380.848.660
<i>Lỗi được kết chuyển (i)</i>	<i>(10.576.679.068)</i>	<i>(22.380.848.660)</i>
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	10.595.614.982	-
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm	2.119.122.996	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.119.122.996	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)

- (i) Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, các khoản lỗ tính thuế có thời hạn chuyển lỗ tính liên tục không quá 05 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phụ thuộc sự kiểm tra, quyết toán của Cơ quan thuế quản lý, do vậy, số liệu này có thể khác số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng. Các khoản lỗ tính thuế dự kiến được chuyển vào thu nhập chịu thuế các năm tiếp theo như sau:

Năm phát sinh	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã kết chuyển	Số lỗ tính thuế còn được kết chuyển các năm sau	Tình trạng quyết toán của Cơ quan thuế
2023	32.957.527.728	(32.957.527.728)	-	Chưa quyết toán
Chuyển lỗ năm 2024		(22.380.848.660)		
Chuyển lỗ năm 2025		(10.576.679.068)		
Tổng	32.957.527.728	(32.957.527.728)	-	

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	190.478.045	227.287.329
Chi phí nhân công	6.176.199.934	5.927.814.413
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.484.425.100	5.788.345.825
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	617.200.278	432.266.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.603.269.837	13.441.985.914
Chi phí khác bằng tiền	5.669.543.944	6.652.722.060
Tổng	37.741.117.138	32.470.422.091

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các cam kết và vụ kiện****a. Cam kết cho thuê hoạt động**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm cho thuê kho bãi. Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Từ 01 năm trở xuống	2.523.272.724	3.364.363.632
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	-	2.523.272.724
Trên 05 năm	-	-
Tổng	2.523.272.724	5.887.636.356

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1. Các cam kết và vụ kiện (Tiếp theo)**b. Vụ kiện**

Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 25/2025/TL-KDTM ngày 14/02/2025 về việc “tranh chấp giữa Công ty và người quản lý của Công ty”, Nguyên đơn là Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha và Bị đơn Ông Trần Minh Loan, nguyên Tổng Giám đốc của Công ty (hiện là cố đồng nắm giữ trên 5% vốn điều lệ của Tập đoàn). Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm: Buộc Ông Trần Minh Loan phải bồi thường cho Công ty số tiền là 36.265.407.879 VND (trong đó: Số tiền 3.749.000.000 VND là khoản chênh lệch giữa giá mua thực tế đã thanh toán và giá mua được HĐQT chấp thuận liên quan đến việc mua 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo; ; số tiền 6.000.000.000 VND mà Công ty đã chuyển thanh toán cho Ông Ngô Mạnh Hùng theo Hợp đồng ủy thác đầu tư ngày 18/12/2023 nhưng không nhận được khoản lợi nhuận nào; số tiền 26.116.407.879 VND mà Công ty đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Công nghệ CETI và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển ACOM; số tiền 400.000.000 VND là khoản chênh lệch giá mua mà Công ty phải thanh toán thêm cho Ông Phạm Huy Hoàng để mua 2% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang”. Tòa án sẽ mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Lần 1: Lúc 8h ngày 9/4/2026; Lần 2: 13h30 ngày 28/4/2026 (nếu Ông Loan vắng mặt lần 1); Phiên tòa xét xử sơ thẩm: Lần 1 vào lúc 8h ngày 18/5/2026, lần 2 vào lúc 8h ngày 12/6/2026, lần 3 (nếu có) vào lúc 8h ngày 29/6/2026 tại Trụ sở Tòa án Nhân dân TP Hồ Chí Minh.

7.2. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Công ty con trực tiếp
3	Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Công ty con trực tiếp
4	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Công ty con trực tiếp
5	Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty con trực tiếp
6	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp
7	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Công ty con gián tiếp
8	Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết
9	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết
10	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bình khí đốt Hong Vi Na	Công ty liên kết
11	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết
12	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết
13	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết
14	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết
15	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết
16	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Công ty liên kết
17	Công ty Cổ phần Khí hóa Lông Hoàng Anh	Công ty liên kết
18	Công ty TNHH Sopet Gas One	Công ty liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị
19	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác tại Công ty, và những thành viên thân cận trong gia đình của những người này	Ảnh hưởng đáng kể

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác	Các khoản lương, tiền thưởng, thù lao, và các khoản thu nhập khác	3.102.886.419	3.133.093.801

Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Tomohiko Kawamoto	Nguyên Chủ tịch	-	-
Ông Tomohiko Kawamoto	Chủ tịch	-	-
Ông Shimbori Toshiyuki	Nguyên thành viên độc lập	-	-
Ông Hosokoji Yu	Nguyên thành viên	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Nguyên thành viên	-	-
Ông Trần Minh Loan	Nguyên thành viên	-	-
Ông Kobayashi Naoki	Thành viên	-	-
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên	-	-
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên độc lập	-	-
Ông Kentaro Jimba	Thành viên độc lập	-	-
Tổng		-	-

Thù lao của thành viên Ủy ban kiểm toán (i)

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Shimbori Toshiyuki	Nguyên Chủ tịch	-	-
Ông Kentaro Jimba	Chủ tịch	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Nguyên thành viên	-	-
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên	-	-
Tổng		-	-

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 02/2025/ĐHĐCĐ.NQ-ASP ngày 27/6/2025, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ủy ban Kiểm toán là 0 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Trần Minh Loan	Nguyên Tổng Giám đốc		218.933.566
Ông Kobayashi Naoki	Tổng Giám đốc	546.393.986	538.384.763
Ông Hosokoji Yu	Nguyên Phó Tổng Giám đốc		-
Ông Sakamoto Shinichiro	Phó Tổng Giám đốc	558.657.299	644.480.585
Ông Trần Duy Luân	Phó Tổng Giám đốc kiêm người phụ trách quản trị Công ty, thư ký Hội đồng quản trị	1.282.125.569	676.305.500
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Nguyên thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm Trưởng phòng kế toán		497.015.329
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	715.709.565	557.974.058
Ông Vũ Thanh Hòa	Nguyên cán bộ phụ trách công bố thông tin		-
Tổng		3.102.886.419	3.133.093.801

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bán hàng		1.386.385.828.233	1.367.052.483.824
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Bán LPG, cho thuê bãi, vỏ chai	795.997.355.543	702.716.822.855
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	Bán LPG, cho thuê vỏ chai	346.642.084.137	135.840.474.288
Công ty Cổ Phần MT Gas	Bán LPG, cho thuê nhà kho	20.254.021.005	87.150.879.450
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Bán LPG	44.784.693.971	53.087.266.258
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Bán LPG	6.561.262.675	38.371.465.905
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Bán LPG	9.301.694.076	3.180.151.802
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Bán LPG	44.456.379.356	183.269.664.306
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Bán LPG	67.304.186.351	74.645.895.379
Công ty TNHH Sopet Gas One	Bán LPG	27.558.371.631	87.968.271.633
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Bán LPG	-	821.591.948
Công ty Cổ phần Khí hóa Lỏng Hoàng Anh	Bán LPG	23.525.779.488	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<u>Mua hàng</u>		433.000.717.877	2.722.189.908
Saisan Co., Ltd.	Phí bảo hiểm	208.573.104	1.076.135.336
	Chi phí khác	1.158.322.355	1.620.454.572
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Mua đồ dùng văn phòng	-	25.600.000
Công ty Cổ Phần MT Gas	Phí thuê kho	330.450.852	-
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Chi phí vận chuyển	6.291.081.141	-
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Mua LPG	421.565.426.425	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bình khí đốt Hong Vi Na	Phí dịch vụ	3.446.864.000	-
<u>Giao dịch cho vay</u>			
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Phần tiền gốc thu hồi	13.648.500.000	33.751.500.000
	Phần tiền gốc thu hồi	475.000.000	3.800.000.000
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Phần tiền gốc chi cho vay		1.450.000.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Phần tiền gốc chi cho vay	2.800.000.000	20.000.000.000
	Phần tiền gốc thu hồi	15.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Phần tiền gốc chi cho vay	6.000.000.000	
<u>Doanh thu hoạt động tài chính</u>		17.104.063.157	5.531.288.250
Công ty Cổ Phần MT Gas	Cổ tức được chia	4.256.345.000	
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Lãi cho vay	80.270.630	2.388.177.439
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Lãi cho vay	8.151.782	255.516.162
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Lãi cho vay	108.749.997	100.109.586
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Lãi cho vay	241.693.149	402.191.780
	Lợi nhuận được chia	11.049.729.314	-
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Cổ tức được chia	1.080.000.000	2.385.293.283
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Lãi cho vay	279.123.285	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon
Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng
Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>	162.885.217.125	389.480.379.769
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	116.962.688.829	137.657.597.002
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	-	153.549.971.953
Công ty Cổ Phần MT Gas	9.407.769.807	2.937.402.086
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	831.114.413	1.548.166.984
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	29.438.598.598	30.017.648.777
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	-	33.956.979.087
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	-	11.524.196.895
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	4.513.430.305	8.401.831.451
Công ty TNHH Sopot Gas One	1.731.615.173	9.886.585.534
<u>Phải thu dài hạn của khách hàng</u>	90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	90.000.000.000	90.000.000.000
<u>Phải thu khác ngắn hạn</u>	712.755.476	897.256.999
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	-	336.547.822
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	-	16.678.356
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	279.123.285	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	18.174.657	9.236.301
Ông Lại Văn Tú	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	15.457.534	134.794.520
<u>Phải thu về cho vay</u>	28.587.320.000	48.910.820.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	-	13.648.500.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	-	475.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	14.217.320.000	8.217.320.000
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	1.450.000.000	1.450.000.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	2.800.000.000	15.000.000.000
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>	112.621.271.519	62.172.338
Saisan Co., Ltd.	102.766.194	62.172.338
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	111.885.367.205	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bình khí đốt Hong Vi Na	633.138.120	-
<u>Phải trả khác</u>	-	15.139.169.928
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	-	15.139.169.928

D.N: 010
CÔNG T
TNHH
KIỂM TO
PA VIETN
HÀ NỘI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu từ Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Kobayhashi Naoki



YINM
VIETNAM